

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 -01-2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường
2. Bà Vũ Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 2, xã L Điền, huyện L Ninh, tỉnh Bình Phước. Có mặt

Bị đơn: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Điền, huyện L Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 2008, vào sổ đăng ký kết hôn số 116/KH, Quyền số 01/2008 ngày 10/4/2008. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân,

không ai quan tâm đến ai. Ông T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Phước Long giải quyết cho ông ly hôn với bà P.

Về con chung: ông và bà P có một người con chung tên Nguyễn Vũ Phước L sinh ngày 26/11/2008. Khi ly hôn, ông giao con chung cho bà P nuôi dưỡng ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà P một lần với số T là 150.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị P được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của bà P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà P và giải quyết về con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà P đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà P vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Điền, huyện L Ninh, tỉnh Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 116/KH, Quyền số 01/2008 ngày 10/4/2008. Do vậy, hôn nhân giữa bà P ông T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà P ông T chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập bà P để hòa giải đoàn tụ với ông T nhưng bà P không đến Tòa làm việc, điều này chứng tỏ bà P không có thiện chí muốn hòa giải, xây dựng gia đình hạnh phúc với ông T. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho ông T được ly hôn với bà P.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Nguyễn Vũ Phước L, sinh ngày 26/11/2008, hiện đang sống cùng với bà P, được đi học đầy đủ và chăm sóc tốt và ông T cũng đồng ý giao cháu L cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo tốt nhất cho việc nuôi dưỡng con chung cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Vũ Phước L, sinh ngày 26/11/2008 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần với số T 150.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng là khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp dưỡng của ông T là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời việc cấp dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: do nguyên đơn ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải ông T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T được ly hôn với bà Vũ Thị P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vũ Phước L, sinh ngày 26/11/2008 cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 150.000.000 đ (một trăm năm mươi triệu đồng); cấp dưỡng một lần và thời hạn cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản T, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: ông Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào T tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0008396 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Ông T còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã L Diên, H. L Ninh, T. BP (số 116/KH; Quyền 01/2008 ngày 10/4/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Tịnh

